

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư kỹ thuật xe-máy năm 2026.
- Chủ đầu tư: Cục Xe máy - Vận tải/TC HC-KT, Số 5 - Đường Nguyễn Tri Phương - Phường Ba Đình - TP. Hà Nội.
- Tên gói thầu: Gói thầu MS-02: Mua sắm nhập khẩu vật tư kỹ thuật xe con, xe tải.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung

- Hàng hoá cung cấp đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất không trước năm 2025, có nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu rõ ràng, hợp pháp.
- Nhà thầu lập bảng so sánh thông số kỹ thuật giữa hàng hóa mà nhà thầu chào và yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- Nhà thầu cung cấp catalogue có đủ thông số kỹ thuật được xác nhận của nhà sản xuất /đại lý của nhà sản xuất (*nếu là xác nhận của đại lý, cần đính kèm hợp đồng đại lý với nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận, ủy quyền là chủ thể chính thức của mạng lưới đại lý với nhà sản xuất*) hoặc công bố trên website chính thức của nhà sản xuất để minh chứng cho các thông số theo yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu chào. Trên catalogue hoặc website thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật của hàng hóa, trường hợp catalogue không thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật thì cần xác nhận của nhà sản xuất cho những thông số kỹ thuật đó. Trường hợp không có tài liệu chứng minh đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa, sẽ không có cơ sở để đánh giá các thông số kỹ thuật của hàng hóa mà nhà thầu chào và đánh giá không đạt (*Nếu tài liệu là tiếng nước ngoài, phải dịch ra tiếng Việt*).

1.2.2. Chú ý Chỉ dẫn về chào giá:

- Giá trị hàng hóa là giá CIF Cảng Việt Nam (không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế VAT).
- Các chi phí cho những dịch vụ liên quan thực hiện trong nước để thực hiện hợp đồng (như chi phí tiếp nhận; bảo hiểm, vận chuyển nội địa, thanh toán, lợi nhuận,...) đã bao gồm đầy đủ các loại thuế theo quy định.

(Lý do: Hàng hóa được Cục Hải quan/Bộ Tài chính xét miễn Thuế nhập khẩu và Thuế VAT theo quy định về hàng hóa nhập khẩu phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng khi Bộ Quốc phòng - chi tiết tại Khoản 22, Điều 16, Luật Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; Khoản 18, Điều 5, Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Bộ Quốc phòng sẽ cấp giấy phép và giấy xác nhận phục vụ nhiệm vụ quốc phòng cho hàng hóa thuộc gói thầu này (làm cơ sở để đề nghị giải quyết miễn thuế); đồng thời có văn bản đề nghị Cục Hải quan đề nghị giải quyết miễn thuế theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

- Trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải quyết miễn thuế với Cục Hải quan do nhà thầu - Bên cung cấp hàng hóa đảm nhiệm).

1.2.3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

Ký mã hiệu (kiểu, danh điểm) tại yêu cầu kỹ thuật theo bảng 1 là cơ sở để nhà thầu tham khảo, tra cứu chào hàng; nhà thầu có thể chào hàng những danh mục hàng hóa có ký mã hiệu khác nhưng tính năng và thông số kỹ thuật tương đương để đảm bảo tính lắp lẫn đối với từng danh mục hàng hóa. Hàng hóa cung cấp cho gói thầu này phải đáp ứng tất cả các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật được nêu tại bảng 1.

Bảng 1

STT	Danh mục vật tư kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
1	Còi điện 12V.	Có danh điểm 2106.3721-010-03AE hoặc tương đương
2	Còi điện 24V (thanh và trầm)	Có danh điểm C306/C307 IM hoặc tương đương
3	Khởi động lắp cho xe ZIL-131	Có danh điểm CT230K4-3708000 hoặc tương đương
4	Máy phát điện lắp cho xe ZIL-131	Có danh điểm 32.3701 hoặc tương đương
5	Đèn pha ΦΓ122	Có danh điểm 62.3711-09 hoặc tương đương
6	Chế hòa khí K88A	Có danh điểm K-88A hoặc tương đương
7	Bơm xăng Б10 (10 lỗ, lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm Б10 hoặc tương đương
8	Bơm nước toàn bộ (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 130-1307009-Б3 hoặc tương đương
9	Bàn ép ly hợp (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 130-1601090 hoặc tương đương
10	Đĩa bị động ly hợp (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 130-1601130 hoặc tương đương
11	Tổng phanh (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 131-3514010-Б hoặc tương đương
12	Hộp tay lái (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 4331-3400020-02 hoặc tương đương
13	Tuy ô phanh bánh trước (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 131-3506060-10 hoặc tương đương
14	Tuy ô phanh bánh sau (lắp cho xe ZIL-131)	Có danh điểm 131-3506085 hoặc tương đương

STT	Danh mục vật tư kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
15	Tổng phanh (lắp cho xe KPA3-255)	Có danh điểm 100-3514008-30 hoặc tương đương
16	Bơm nước toàn bộ (lắp cho xe KPA3-255)	Có danh điểm 236-1307010-A3 hoặc tương đương
17	Bơm trợ lực lái (lắp cho xe KPA3-255)	Có danh điểm 256B-3407199-01 hoặc tương đương
18	Gạt mưa toàn bộ (lắp cho xe KPA3-255)	Có danh điểm 256B-5205010 hoặc tương đương
19	Chế hòa khí K151 (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm K151B hoặc tương đương
20	Chế hòa khí K131 (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm K131A hoặc tương đương
21	Bơm nước (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 421-1307010 hoặc tương đương
22	Bàn ép đĩa ly hợp (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 451-1601090 hoặc tương đương
23	Đĩa ly hợp cả cốt (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 451-1601130 hoặc tương đương
24	Bơm cái ly hợp (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 469-1602300 hoặc tương đương
25	Bơm con ly hợp (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 469-1602510 hoặc tương đương
26	Bầu trợ lực chân không (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 3151-3510010 hoặc tương đương
27	Rô tuyn lái phải (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 469-3414056 hoặc tương đương
28	Rô tuyn lái trái (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 469-3414057 hoặc tương đương
29	Tổng phanh hai cóc (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 3151-3505009 hoặc tương đương
30	Xi lanh bánh trước phải (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 469-3501040 hoặc tương đương
31	Xi lanh bánh trước trái (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 469-3501041 hoặc tương đương
32	Xi lanh bánh sau (lắp cho xe UAZ)	Có danh điểm 3151-3502040 hoặc tương đương
33	Dây curoa (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 10RK 1705 hoặc tương đương
34	Bầu phanh sau 24/24 (lắp cho xe Kamaz).	Có danh điểm 100-3519200 hoặc tương đương
35	Tổng côn dưới 152 (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 11.1602410-40 hoặc tương đương

STT	Danh mục vật tư kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
36	Tổng côn dưới 154 (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 9.700.514.230 hoặc tương đương
37	Bơm trợ lực lái (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 4310-3407200-01 hoặc tương đương
38	Tổng côn trên (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 5320-1602510-10 hoặc tương đương
39	Bầu phanh trước 24 (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 100-3519210 hoặc tương đương
40	Đĩa ma sát côn hộp số 152 (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 142-1601130 hoặc tương đương
41	Bình nước phụ (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 6520-1311010 hoặc tương đương
42	Bi tê hộp số 152 (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 14.1601180 hoặc tương đương
43	Bi tê hộp số 154 (lắp cho xe Kamaz)	Có danh điểm 3.151.000.034 hoặc tương đương

1.3. Các yếu tố khác mà nhà thầu có cam kết đáp ứng

1.3.1. Cam kết cung cấp các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá

Nhà thầu có bản Cam kết sau khi ký hợp đồng, khi có đủ các tài liệu sẽ cung cấp đầy đủ cho chủ đầu tư để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, bao gồm các tài liệu như sau:

- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực của Hoá đơn thương mại hợp lệ (Invoice);
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực của Bảng kê danh mục hàng hoá (Packing list);
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) của hàng hóa do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) của hàng hóa do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực vận đơn vận chuyển hàng hóa;
- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu và các tài liệu có liên quan.

1.3.2. Cam kết đáp ứng yêu cầu về bảo hành

- Thời gian: Toàn bộ hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong thời gian ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.
- Địa điểm bảo hành: Trên toàn quốc, theo yêu cầu của người sử dụng cuối cùng.

1.3.3. Cam kết đáp ứng yêu cầu về điều khoản phạt

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-Điều kiện chung của hợp đồng, điều khoản phạt quy định như sau:

- Phạt giao hàng chậm: Hàng hóa phải giao đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng, trường hợp Bên Bán giao hàng chậm so với thời gian quy định (trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên Bán sẽ bị phạt một khoản tiền tương đương 01% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm, song tổng giá trị phạt không quá 05% tổng giá trị hợp đồng. Nếu quá 05 tuần Bên Bán mới giao đủ hàng thì Bên Mua có quyền từ chối không nhận lô hàng, đồng thời hủy bỏ hợp đồng, mọi chi phí liên quan đến lô hàng do Bên Bán chịu và không được nhận lại số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Phạt do hủy bỏ hợp đồng: Nếu từ chối không thực hiện hợp đồng thì Bên Bán chịu phạt toàn bộ số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

1.3.4. Cam kết về thời gian và địa điểm giao hàng

- Giao hàng từng phần: Không.

- Thời hạn giao hàng: 180 ngày.

- Địa điểm giao hàng: Kho Cọc Xe máy - Vận tải/Khu vực Hà Nội.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra, nghiệm thu và thử nghiệm

Nội dung kiểm tra, nghiệm thu và thử nghiệm hàng hóa:

1. Kiểm tra, nghiệm thu và thử nghiệm hàng hóa được tiến hành khi nhà thầu chuyển hàng hóa đến bàn giao cho Bên mua. Hàng hóa khi kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu mới được nhập kho, bàn giao và thực hiện tiếp các thủ tục thanh toán.

2. Các nội dung và cách thức tiến hành kiểm tra, nghiệm thu, thử nghiệm:

- Kiểm tra toàn bộ 100% hồ sơ pháp lý, tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa. Kiểm tra trực tiếp, đối chiếu các thông tin ghi trên tài liệu và các điều kiện, yêu cầu theo quy định của hợp đồng. Đối với hồ sơ hàng hóa còn thiếu, không đảm bảo tính pháp lý đề nghị Nhà thầu cung cấp bổ sung, hoàn thiện trong thời gian từ 05 đến 10 ngày làm việc.

- Kiểm tra, nghiệm thu về số lượng, ký mã hiệu, danh điểm, chủng loại, đồng bộ, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, tính mới của hàng hóa. Nếu số lượng, đồng bộ hàng hóa không đủ, năm sản xuất không phù hợp thì yêu cầu Nhà thầu cung cấp bổ sung đầy đủ theo hợp đồng trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc.

- Lấy mẫu xác suất $\leq 10\%$ số lượng từng chủng loại hàng hóa mua sắm (nhưng không ít hơn 01 đơn vị) để kiểm tra thông số kỹ thuật, thử nghiệm tính lắp lẫn, tương thích, khả năng hoạt động. Kiểm tra bằng trực quan; đo các thông số kích thước, kiểm tra ký hiệu trên tem, nhãn, ... Kiểm tra đánh giá thông qua hồ sơ, catalogue, tài liệu kỹ thuật. Trường hợp mẫu được lấy kiểm tra, thử nghiệm nếu có 1 mặt hàng có kết quả kiểm tra không phù hợp thì tiếp tục lấy mẫu kiểm tra với số lượng lũy tiến

gấp đôi. Nếu kiểm tra lần hai vẫn có mặt hàng không đạt yêu cầu thì tiếp tục kiểm tra toàn bộ số lượng của mặt hàng đó. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo điều kiện, yêu cầu của hợp đồng thì yêu cầu Nhà thầu thực hiện thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian không quá 10 ngày.

3. Các chi phí phục vụ kiểm tra, nghiệm thu, thử nghiệm được tính trong giá của hợp đồng.

Mục 4. Cam kết đáp ứng yêu cầu về giám định hàng hóa

- 100% hàng hoá phải được chủ đầu tư giám định, kiểm tra và nghiệm thu trước khi nhận hàng. Nội dung giám định, nghiệm thu: sẽ tiến hành kiểm tra, thử hoạt động trên thiết bị đo kiểm. Nếu kết quả kiểm tra không đạt các nội dung yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ chào thầu và hợp đồng ký kết sau này, Nhà thầu sẽ khắc phục theo nguyên tắc hàng đổi hàng (trong 05 ngày). Nếu không khắc phục được trong vòng 05 ngày sẽ thực hiện theo điều khoản phạt.

- Toàn bộ chi phí kiểm tra, giám định do bên bán đảm nhiệm.